

Số: 149/2023/QĐST-HNGĐ

Từ Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh Bình – Văn phòng luật Bình Minh, đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B, sinh năm 1961 và bà Trần Thị C, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 55, 57, 59, 61, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/8/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn G và chị Trần Thị H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn G và chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh G trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Trần Thiên Q, sinh ngày 11/10/2010 và cháu Trần Văn S, sinh ngày 26/5/2016. Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 06/01/2013. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Giao toàn bộ tài sản chung của anh G và chị H cho anh G gồm: 01 bộ bàn ghế Minh Quốc 06 món bằng gỗ H đá trị giá 20.000.000 đồng; 01 điều hòa nhãn hiệu panasonic 12.000 BTU mua năm 2017 trị giá 3.000.000 đồng; 01 tivi LG 49 inch mua năm 2016 trị giá 1.500.000 đồng; 01 tủ thờ bằng gỗ gụ (KT 1,97 x 1,27 x 0,77m) trị giá 1.500.000 đồng; 01 kệ tivi gỗ H vân (KT 1,97 x 0,85 x 0,45m) trị giá 2.500.000 đồng; 01 máy giặt Panasonic 10kg mua năm 2018 trị giá 1.000.000 đồng; 01 tủ lạnh Sharp mua năm 2010 trị giá 100.000 đồng; 03 máy đục của Trung Quốc 08 mũi, đã qua sử dụng từ năm 2019 trị giá 80.000.000 đồng; 01 máy cưa đứng bánh đà d = 80cm sử dụng từ năm 2016 trị giá 2.000.000 đồng; 01 giếng đá sử dụng từ năm 2016, sâu 60m trị giá 2.500.000 đồng. Lán xưởng xây dựng năm 2016 trị giá 31.500.000 đồng. Khoản tiền 200.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của anh G và chị H là: 345.600.000 đồng.

Anh G phải trích trả cho chị H 150.000.000 đồng. Số tiền này anh G phải thanh toán cho chị H trong thời hạn 2 năm, ngày cuối cùng phải thanh toán khoản tiền này là tháng 8 năm 2025.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về công nợ: Không có.

- Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của ông Trần Văn B, bà Trần Thị C: Thửa đất số 340, tờ bản đồ số 10, diện tích 245m² ở địa chỉ khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Trần Thị C và toàn bộ ngôi nhà 3 tầng xây dựng trên thửa đất này là tài sản của ông Trần Văn B, bà Trần Thị C. Anh Trần Văn G, chị Trần Thị H có công sức đóng góp 300.000.000 đồng vào việc xây ngôi nhà 3 tầng.

Ông B, bà C trích trả cho chị Trần Thị H số tiền 150.000.000 đồng. Chị H đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng từ ông B, bà C.

Anh G không yêu cầu ông B, bà C phải trích trả số tiền 150.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh G phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 4.890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2022/000437 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Chị H phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.400.000 đồng theo biên lai số AA/2022/000472 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả chị H 11.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông B, bà C vì là người cao tuổi.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Từ Sơn,;
- Chi cục THADS TP Từ Sơn;
- UBND phường Tam Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thanh